

Thang Điểm Nghề Công nghệ thời trang

Mã	Tiêu chí	Điểm	Tổng điểm: 100
A	Module 2 - Thể hiện bản vẽ thiết kế phẳng	10	
B	Module 3 - Thiết kế ráp- Giác sơ đồ	20	
C	Module 4 - Cắt may váy	60	
D	Module 1 - Draping	10	

Sub Criteria ID	Sub Criteria Name or Description	Aspect Type M = Meas J = Judg	Aspect - Description	Judg Score	Extra Aspect Description (Meas or Judg) OR Judgement Score Description (Judg only)	Requirement or Nominal Size (Measurement Only)	WSSS Section	Max Mark
A1	Hoàn thiện bản vẽ							
		M1	Trình bày bản vẽ sạch sẽ		Sạch sẽ, giấy không đổi màu, không gấp lại	Mỗi lỗi trừ 0.1 điểm	2	0.5
		M2	Hoàn thành bản vẽ bằng bút mực		Không thấy nét bút chì - chỉ sử dụng bút mực	Đúng hoặc sai	5	0.5
		M3	Bản vẽ thể hiện mặt trước - mặt sau		Đúng số lượng y phục theo thị trường mục tiêu	Đúng hoặc sai	5	0.5
A2	Bản vẽ phải hợp thị trường mục tiêu							
		J1	Giá trị sản phẩm của thiết kế phù hợp với thị trường mục tiêu				5	1
				0	Thiết kế không phù hợp thị trường mục tiêu			
				1	Thiết kế cho thấy sự hiểu biết kém về thị trường mục tiêu			
				2	Thiết kế cho thấy sự hiểu biết trung bình về thị trường mục tiêu			
				3	Thiết kế cho thấy sự hiểu biết cao về thị trường mục tiêu			
		J2	Bản vẽ mô tả được chức năng của sản phẩm				4	0.5
				0	Bản vẽ không thể hiện được chức năng của sản phẩm (Không dây kéo, không khuy nút, vv.			
				1	Bản vẽ thể hiện chức năng sản phẩm chấp nhận được			
				2	Bản vẽ thể hiện được chức năng sản phẩm			
				3	Bản vẽ thể hiện rất rõ chức năng sản phẩm			
A3	Bản vẽ phải thể hiện được ý tưởng							
		J3	Bản vẽ thể hiện tính sáng tạo trong thiết kế				4	1
				0	Không thể hiện sáng tạo trong thiết kế			
				1	Thể hiện các yếu tố thiết kế một cách nghèo nàn			
				2	Thể hiện khá sáng tạo trong thiết kế			
				3	Thể hiện sự sáng tạo đặc biệt trong thiết kế			
		J4	Mẫu vẽ phù hợp với mùa sử dụng				5	1
				0	Mẫu vẽ không phù hợp với mùa sử dụng			
				1	Mẫu vẽ có phù hợp mức độ ít với mùa sử dụng			
				2	Mẫu vẽ phù hợp với mùa sử dụng			

		J5	Bản vẽ thể hiện tính tổng thể, đồng bộ trong thiết kế	3	Mẫu vẽ phù hợp với mùa sử dụng và đẹp		4	1
				0	Thiết kế không có sự phối hợp các chi tiết không trong một chỉnh thể			
				1	Thiết kế có sự phối hợp, gần như một chỉnh thể			
				2	Thiết kế có sự phối hợp tốt, tạo thành một chỉnh thể			
				3	Thiết kế có sự phối hợp rất tốt, tất cả chi tiết tạo thành một chỉnh thể thống nhất			
A4	Bản vẽ thể hiện chất liệu vải							
		J6	Bản vẽ thể hiện chất liệu vải				1	1
				0	Bản vẽ thiết kế không thể hiện chất liệu vải			
				1	Bản vẽ thiết kế thể hiện được chất liệu vải chưa hoàn toàn phù hợp			
				2	Bản vẽ thiết kế thể hiện được chất liệu vải phù hợp			
				3	Bản vẽ thiết kế thể hiện rất tốt với chất liệu vải			
A5	Chất lượng bản vẽ							
		J7	Chất lượng tổng thể của bản vẽ				5	0.5
				0	Chất lượng đường nét vẽ không tốt (đường nét không thẳng, đường cong và hình dạng không đồng đều, nét quá đậm hoặc quá nhạt)			
				1	Chất lượng chấp nhận được, với một vài điểm không hoàn hảo trong đường thẳng, đường cong và hình dáng			
				2	Chỉ có một vài khiếm khuyết nhỏ với đường kẻ, đường cong và hình dạng			
				3	Chất lượng tốt, tất cả các đường cong làm tốt			
		J8	Tính thực tế của mẫu phác thảo				5	1
				0	Khả năng không mặc được			
				1	Khả năng khó mặc được			
				2	Khả năng mặc được			
				3	Khả năng dễ sử dụng			
A6	Bản vẽ thể hiện đúng							
		M4	Vẽ đủ số lượng mẫu theo yêu cầu của đề		Thể hiện đủ số lượng mẫu	Đủ hoặc không đủ	5	0.5
		J9	Vẽ mô tả các chi tiết chính xác phục vụ thiết kế rập				2	0.5
				0	Tất cả các chi tiết mô tả không chính xác cho người tạo rập (ví dụ: lớp ngoài hoặc lớp lót bị thiếu, không hiển thị cài mở, dây kéo, vv...)			
				1	Một vài chi tiết mô tả không chính xác cho người tạo rập			
				2	Chỉ một chi tiết mô tả không chính xác cho người tạo rập			
				3	Tất cả các chi tiết mô tả chính xác cho người tạo rập			

A7	Bản vẽ thể hiện sự kết nối giữa mặt trước và mặt sau							
		J10	Bản phác thảo / bản vẽ cho thấy tính kết nối tốt qua thiết kế từ trước ra sau				5	0.5
			0	Không có sự liên kết các chi tiết từ trước ra sau				
			1	Một vài chi tiết không có sự liên kết từ trước ra sau				
			2	Chỉ một chi tiết không có sự liên kết từ trước ra sau				
			3	Tất cả các chi tiết có sự liên kết từ trước ra sau				

10

Sub Criteria ID	Sub Criteria Name or Description	Aspect Type M = Meas J = Judg	Aspect - Description	Judg Score	Extra Aspect Description (Meas or Judg) OR Judgement Score Description (Judg only)	Requirement or Nominal Size (Measurement Only)	WSSS Section	Max Mark
B1	Mẫu ráp sạch sẽ							
		M1	Tất cả các chi tiết ráp đều sạch			Mỗi lỗi trừ 0.25 điểm	2	2
B2	Đủ thông tin trên ráp							
		M2	Nhãn ráp - ghi đúng size của dress form -		Tất cả thông tin trên ráp phải viết bằng mực, chính xác	Mỗi lỗi trừ 0.2 điểm	2	2
		M3	Nhãn ráp - Tên chi tiết		Tất cả thông tin trên ráp phải viết bằng mực, chính xác	Mỗi lỗi trừ 0.2 điểm	2	1
		M4	Nhãn ráp - Số báo danh		Tất cả thông tin trên ráp phải viết bằng mực, chính xác	Mỗi lỗi trừ 0.2 điểm	2	1
		M5	Nhãn ráp - Số thứ tự chi tiết/tổng số chi tiết		Tất cả thông tin trên ráp phải viết bằng mực, chính xác	Mỗi lỗi trừ 0.2 điểm	2	1
		M6	Nhãn ráp - Ký hiệu canh sợi		Tất cả các chi tiết mẫu phải viết bằng mực, phải có hướng dẫn chiều canh sợi, đủ độ dài theo quy định, đầu hướng dẫn chiều canh sợi phải có mũi tên hoặc nếp gấp. Các mảnh mẫu phải được giác đúng canh sợi và đủ thông tin	Mỗi lỗi trừ 0.5 điểm	7	2
B4	Thể hiện dấu bấm trên ráp, cắt ráp							
		M7	Thể hiện dấu bấm		Dấu bấm phải đúng vị trí (eo, đuôi khóa), bao gồm cả ly, chiết, các dấu bấm phải thẳng hàng	Mỗi lỗi trừ 0.5 điểm	6	1
		M8	Đường cắt ráp trơn đều điểm		Đường cắt phải trơn, đều, không răng cưa	Mỗi lỗi trừ 0.25 điểm	6	2
B5	Các đường ráp nối các chi tiết phải khớp							
		M9	Các đường ráp phải khớp với nhau		Các đường ráp phải khớp với nhau (4 đường ráp bất kỳ), bao gồm các đường cong phải trơn đều	Mỗi lỗi trừ 0.25 điểm	6	2
B7	Độ khó của ráp							
		J2	Độ khó của ráp				6	2
			0	Mẫu đơn giản không có chi tiết phức tạp				
			1	Mẫu có một số chi tiết phức tạp				

				2	Mẫu có nhiều chi tiết phức tạp			
				3	Mẫu có rất nhiều chi tiết phức tạp			
B8	Giác sơ đồ							
		M10	Hiện diện đủ các chi tiết		Đúng hoặc sai	Mỗi lỗi trừ 0.1 điểm	6	1
		M11	Đúng chiều canh sợi		Đúng hoặc sai (sai 0,2 cm)	Mỗi lỗi trừ 0.1 điểm	6	1
		M12	Ghim mẫu ráp xuống vải khéo		Đúng hoặc sai	Mỗi lỗi trừ 0.1 điểm	6	1
B9	Tiết kiệm vải							
		M13	Sơ đồ giác hợp lý		Đúng hoặc sai		6	1
								20
Sub Criteria ID	Sub Criteria Name or Description	Aspect Type M = Meas J = Judg	Aspect - Description	Judg Score	Extra Aspect Description (Meas or Judg) OR Judgement Score Description (Judg only)	Requirement or Nominal Size (Measurement Only)	WSSS Section	Max Mark
C1	Là ủi bề mặt sản phẩm							
		M1	Bề mặt thân trước phẳng		Bề mặt thân trước êm phẳng, không nhàu, không bóng, không cháy.	Mỗi lỗi trừ 0.2 điểm	7	1
		M2	Bề mặt thân sau phẳng		Bề mặt thân sau êm phẳng, không nhàu, không bóng, không cháy.	Đúng hoặc sai	7	1
		M3	Bề mặt hai bên sườn		Bề mặt hai sườn êm phẳng, không nhàu, không bóng, không cháy.	Mỗi lỗi trừ 0.2 điểm	7	1
		M4	Bề mặt nếp lưng phẳng		Bề mặt nếp lưng áo êm phẳng, không nhàu, không bóng, không cháy.		7	1
C2	An toàn lao động và sạch sẽ							
		M5	Vệ sinh công nghiệp		Sản phẩm sạch sẽ, giữ sạch sẽ nơi làm việc (Bàn và sàn nhà phải sạch)	Mỗi lỗi trừ 0.5 điểm	7	1
		M6	An toàn nơi làm việc		sẵn sàng để cắt, dụng cụ và ghim phải để riêng, ngắt điện, tắt máy khi dừng hoạt động	Đúng hoặc sai	7	1
C3	Cân đối đối xứng hoặc cân đối không đối xứng							
		M7	Đúng tiêu chí		Đúng hoặc sai		4	2
		J1	Mức độ khó				4	2
				0	Quá đơn giản			
				1	Đơn giản			
				2	Khó			
				3	Rất khó			
C4	Kỹ thuật may thân trước							
		J2	Chất lượng may các đường can				7	2

			0	Nhiều đường may không trơn đều, không êm phẳng			
			1	Chất lượng may phần ngực đạt yêu cầu			
			2	Chất lượng may phần ngực khá tốt			
			3	Các đường may trơn đều, êm phẳng			
		J3	Chất lượng may phần nẹp lưng			7	1
			0	Chất lượng may phần eo chưa đạt yêu cầu			
			1	Chất lượng may phần eo đạt yêu cầu			
			2	Chất lượng may phần eo tốt			
			3	Chất lượng may phần eo rất tốt			
		J4	Chất lượng may lai (gấu)			7	2
			0	Kỹ thuật và chất lượng may gấu ở mức chất lượng thấp hoặc chưa hoàn thành			
			1	Kỹ thuật may gấu được chấp nhận nhưng ở mức độ thấp			
			2	Kỹ thuật may gấu được chấp nhận nhưng ở mức trung bình			
			3	Kỹ thuật may gấu hoàn hảo			
C5	Kỹ thuật may thân sau						
		J5	Chất lượng may các đường can			7	1
			0	Chất lượng may phần lưng quá xấu.			
			1	Chất lượng may phần lưng đạt			
			2	Chất lượng may phần lưng Đạt chất lượng tốt			
			3	Chất lượng may phần lưng Đạt chất lượng rất tốt			
		J6	Chất lượng may phần nẹp lưng			7	1
			0	Chất lượng may phần nẹp lưng quá xấu.			
			1	Chất lượng may phần nẹp lưng đạt			
			2	Chất lượng may phần nẹp lưng đạt chất lượng tốt			
			3	Chất lượng may phần eo đạt chất lượng rất tốt theo			
		J7	Chất lượng may đường giữa sau và gấu			7	2
			0	Chất lượng may đường giữa sau và gấu quá xấu.			
			1	Chất lượng may phần nẹp lưng đạt			
			2	Chất lượng may phần nẹp lưng đạt chất lượng tốt			
			3	Chất lượng may phần eo đạt chất lượng rất tốt theo			
		J8	Chất lượng tra dây kéo			7	2
			0	Chất lượng tra dây kéo quá xấu.			

			1	Chất lượng tra dây kéo đạt			
			2	Chất lượng tra dây kéo đạt chất lượng tốt			
			3	Chất lượng tra dây kéo đạt rất tốt			
		J9	Chất lượng kết móc			7	1
			0	Không thực hiện			
			1	kết móc lỏng lẻo			
			2	kết móc đạt			
			3	kết móc đạt chất lượng, chắc chắn, gọn gàng, đẹp			
C6	Kỹ thuật may túi						
		M8	ráp đúng vị trí (xác định trên rập)			7	2
			0	mỗi túi sai trừ 1 điểm			
		J10	Đường ráp túi			7	2
			0	Đường may ráp túi xấu			
			1	Đường may ráp túi đạt			
			2	Đường may ráp túi đạt tiêu chuẩn tốt			
			3	Đường may ráp túi đạt tiêu chuẩn rất tốt			
		J11	Đường diễu túi			7	2
			0	Đường diễu túi không đạt			
			1	Đường diễu túi đạt			
			2	Đường diễu túi đạt, chất lượng tốt			
			3	Đường diễu túi đạt, chất lượng rất tốt			
		J12	Dáng túi hai bên			7	2
			0	Dáng túi không đạt			
			1	Dáng túi không đạt, hoặc chỉ đạt 1 bên			
			2	Dáng túi hai bên đạt tiêu chuẩn			
			3	Dáng túi hai bên đạt tiêu chuẩn, rất đẹp			
		J13	Kiểu túi phù hợp với thiết kế tổng thể			5	2
			0	Kiểu túi không phù hợp với thiết kế tổng thể			
			1	Kiểu túi có thể chấp nhận được			
			2	Kiểu túi phù hợp và đẹp			
			3	Kiểu túi rất phù hợp với thiết kế tổng thể			
		J14	Mức độ khó của túi			3	2
			0	Quá đơn giản			

				1	Đơn giản			
				2	Khó			
				3	Rất khó			
C7	Kỹ thuật may nẹp lưng							
		J15	Kỹ thuật may chi tiết nẹp lưng				7	2
				0	Chưa may xong nẹp lưng			
				1	Đã may xong			
				2	Đã may xong và đạt yêu cầu			
				3	Đã may xong, đạt yêu cầu và rất đẹp			
		J16	Kỹ thuật tra lưng				7	2
				0	Chưa tra xong cổ áo			
				1	Đã tra xong lưng			
				2	Đã tra xong lưng và đạt yêu cầu			
				3	Đã tra xong lưng, đạt yêu cầu và rất đẹp			
		J17	Lưng ôm phom				7	2
				0	Chưa ôm phom			
				1	Chưa hoàn toàn ôm phom			
				2	Cả vòng lưng ôm phom			
				3	Cả vòng lưng ôm phom và đẹp			
		J18	Kiểu lưng phù hợp với thiết kế tổng thể				5	1
				0	Nẹp lưng không phù hợp với thiết kế tổng thể			
				1	Nẹp lưng tạm được so với thiết kế tổng thể			
				2	Nẹp lưng phù hợp với tổng thể			
				3	Nẹp lưng phù hợp với tổng thể và rất sáng tạo			
		J19	Độ khó của Lưng				3	2
				0	Rất đơn giản			
				1	Đơn giản			
				2	Khó			
				3	Rất khó			
C8	Tính cân đối							
		M9	Sườn hai bên			Đúng hoặc sai	7	2

		M10	Túi			Đúng hoặc sai	7	
		M11	gấu hai bên			Đúng hoặc sai	7	2
		M12	Các đường can			Đúng hoặc sai	7	2
		M13	Nẹp lưng			Đúng hoặc sai	7	1
		M14	Các chi tiết khác			Đúng hoặc sai	7	1
C9	Thông số							
		M15	Dài		Đo theo rập và đúng yêu cầu đề thi	Đúng hoặc sai	3	1
		M16	Đường trên nẹp lưng		Đo theo rập	Đúng hoặc sai	3	1
		M17	Đường tra lưng		Đo theo rập	Đúng hoặc sai	7	1
		M18	Thông số miệng túi		Đo theo rập	Đúng hoặc sai	7	1
		M19	Các đường can dọc		Đo theo rập	Đúng hoặc sai	7	2
		M20	Thông số dây kéo		Đo theo rập	Đúng hoặc sai	7	1
								60
Sub Criteria ID	Sub Criteria Name or Description	Aspect Type M = Meas J = Judg	Aspect - Description	Judg Score	Extra Aspect Description (Meas or Judg) OR Judgement Score Description (Judg only)	Requirement or Nominal Size (Measurement Only)	WSSS Section	Max Mark
D1	Draping - Hình dáng và tỉ lệ							
		M1	Draping - Hình dáng		Draping đúng hình dáng mẫu	Đúng hoặc sai	4	2
		M2	Draping - Tỉ lệ		Draping đúng tỉ lệ	Đúng hoặc sai	4	2
D2	Draping thân sau							
		J1	Draping thân sau phù hợp với thân trước và có tính sáng tạo				4	1
				0	Draping thân sau không phù hợp với thân trước			
				1	Draping thân sau khá phù hợp với thân trước			
				2	Draping thân sau phù hợp với thân trước			
				3	Draping thân sau rất phù hợp với thân trước và có tính sáng tạo			
D3	Kỹ thuật draping thân trước							
		J2	Kỹ thuật Draping các chi tiết: nếp gấp, chiết...trên thân trước				4	1
				0	Draping các nếp gấp... thân trước không giống đúng mẫu			

			1	Một số các nếp gấp... Của thân trước không giống đúng mẫu			
			2	Draping các nếp gấp... thân trước giống đúng mẫu			
			3	Draping các nếp gấp... thân trước giống mẫu và đẹp			
D4	Kỹ thuật draping cổ						
		J3				7	1
			0	Draping các nếp gấp... Phần cổ không giống đúng mẫu			
			1	Một số các nếp gấp... Của thân trước không giống đúng mẫu			
			2	Draping các nếp gấp... Phần cổ giống đúng mẫu			
			3	Draping các nếp gấp... Phần cổ giống mẫu và đẹp			
D5	Chi tiết draping phần ngực						
		J4		Chi tiết Draping phần ngực		7	1
			0	Draping các nếp gấp... Phần ngực không giống đúng mẫu			
			1	Một số các nếp gấp... Phần ngực không giống mẫu			
			2	Draping các nếp gấp... Phần ngực giống đúng mẫu			
			3	Draping các nếp gấp... Phần ngực giống mẫu và đẹp			
D6	Kỹ thuật draping eo						
		J5		Kỹ thuật Draping các chi tiết: nếp gấp, chiết...trên phần eo		7	1
			0	Draping các nếp gấp... Phần eo không giống đúng mẫu			
			1	Một số các nếp gấp... phần không giống đúng mẫu			
			2	Draping các nếp gấp... Phần eo giống đúng mẫu			
			3	Draping các nếp gấp... Phần eo giống mẫu và đẹp			
D7	Draping Phần váy						
		J6		Độ rộng, độ xòe, độ khéo của váy và đường gấu váy		6	1
			0	Độ rộng, độ xòe, độ khéo của đường gấp gấu chưa đúng mẫu			
			1	Độ rộng, độ xòe, độ khéo của đường gấp gấu chưa hoàn toàn đúng mẫu			
			2	Độ rộng, độ xòe, độ khéo của đường gấp gấu đúng mẫu			
			3	Độ rộng, độ xòe, độ khéo của đường gấp gấu đúng mẫu và đẹp			
							10